| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31/ 8/ 2020
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Kiên
2. Ông Lò Văn Thương
- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 31/8/2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:178/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H - Sinh năm 1984 (Có mặt).
Trú tại: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lù Văn H - Sinh năm 1978 (Vắng mặt có lý do).
Trú tại: Bản L, xã Mường P, huyện Đ - Tỉnh Điện Biên.
Hiện anh Lù Văn H đang chấp hành án tại: Đội 13, phân trại 1, Trại giam N xã N, thành phố Điện B, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/7/2020 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị Ho (nguyên đơn) trình bày:*

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lù Văn H tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ vào ngày 29/4/2002. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian dài đến tháng 3/2010 thì anh H bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị đi cải tạo 7 năm tù giam đến tháng 11/2015 anh H được về địa phương sinh sống nhưng cuộc sống chung không được hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 12/6/2019 anh H lại bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án xử 17 năm 06 tháng. Hiện anh H đi cải tạo tại trại giam N để lại một mình tôi nuôi 3 con nhỏ rất khó khăn. Do anh H bị nghiện chất ma túy và cuộc sống là chuỗi ngày đi cải tạo vào tù ra trại lại tái nghiện ma

túy.Vì tình cảm vợ chồng không còn nên Tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Chị H và anh H có ba con chung Lù Văn N sinh ngày 05/7/2003 và Lù Thanh T, Lù Hoàng A sinh đôi cùng ngày 01/01/2010. Quan điểm chị H xin được nuôi và chăm sóc cả 3 cháu vì anh H phải đi chấp hành án đến 17 năm 06 tháng tù. Khi nào anh H ra trại cháu nào theo anh tôi đồng ý. Về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu càu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 02/7/2020, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị H cho anh H biết và nhờ trại giam N tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lù Văn H.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/8/2020 anh Lù Văn H (bị đơn) trình bầy nh- sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Lò Thị H lấy nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ vào ngày 29/4/2002. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc là đúng, tôi bị đi chấp hành án về tội ma túy. Nay cô H làm đơn ly hôn tôi không có ý kiến gì về phần hôn nhân.

2. Tôi chỉ có ý kiến về phần con chung sau khi nhận thông báo thụ lý của Tòa án tôi không đồng ý về việc tranh chấp nuôi con chung. Bản thân tôi ở trại giam không tranh chấp nuôi con với cô H Nếu cháu nào có nguyện vọng ở với tôi sau này tôi ra trại tôi sẽ nuôi các con của tôi.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Tôi không có ý kiến gì.

Hiện bản thân tôi đang phải chấp hành án tại trại giam N không thể có mặt tại Tòa được đề nghị Tòa xét xử vắng mặt tôi theo quy định của pháp luật ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lù Văn H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh H sử dụng chất ma túy và bị nghiện ma túy đã bị xử án 2 lần về tội ma túy hiện anh

Hương phải đi cải tạo 17 năm 06 tháng tù giam tại trại giam N để một mình chị H phải nuôi cả 3 con. Vì tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa anh H không đồng ý về việc tranh chấp nuôi con vì bản thân anh đang lao động cải tạo không tranh chấp với chị H, anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh H phải đi chấp hành án quá lâu không có thời gian quan tâm chăm sóc giáo dục con chung và thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải. Để đảm bảo quyền lợi của chị H và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không có thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do anh H phải đi chấp hành án. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị H cùng các con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hoài xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Lù Văn H.

[3] Về con chung: Anh chị có ba con chung Lù Văn N sinh ngày 05/7/2003 và Lù Thanh T, Lù Hoàng A sinh đôi cùng ngày 01/01/2010. Quan điểm chị H xin được nuôi và chăm sóc cả 3 cháu vì anh H phải đi chấp hành án đến 17 năm 06 tháng tù và xét theo nguyện vọng của các cháu đều có nguyện vọng sống cùng mẹ, khi nào anh H cải tạo chở về các cháu muốn ở với ai thì chị đồng ý. Phần cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa giải quyết. Bản thân anh H cũng không tranh chấp quyền nuôi con vì anh đang ở trong trại.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại anh H đang phải chấp hành án phạt tù giam anh không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và xét theo nguyện vọng các cháu đều muốn ở cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoài, căn cứ Khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao ba cháu cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng, anh H không phải cấp d- ỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đ- ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại anh H không thể có mặt tại địa phương để giải quyết phần tài sản của hai vợ chồng. Còn chị H cũng không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H không xem xét giải quyết về phần tài sản của anh chị.

Sau này anh H chấp hành án xong về địa phương nếu có yêu cầu giải quyết về phần tài sản sau khi ly hôn. Toà án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lù Văn H.

2. Về con chung: Giao ba cháu Lù Văn N sinh ngày 05/7/2003 và Lù Thanh T, Lù Hoàng A sinh đôi cùng ngày 01/01/2010 cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng. Anh H không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Chấp nhận việc không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản của chị Lò Thị H .

4. Về án phí:

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lò Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bạc Thị Liên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

| HỘI THẨM NHÂN DÂN | THẨM PHÁN<br>CHỦ TỌA PHIÊN TÒA | HỘI THẨM NHÂN DÂN |
|---|---|---|
| **Lường Văn Hịa** | **Bạc Thị Liên** | **Lò Văn Thương** |